

# CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC THU - ĐÔNG NĂM 1947

## SỰ KIỂM NGHIỆM ĐƯỜNG LỐI

### CHIẾN TRANH NHÂN DÂN CỦA ĐẢNG

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**Chiến tranh nhân dân là quy luật truyền thống giữ nước tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. Trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và kháng chiến cứu nước chống những thế lực đế quốc, thực dân mạnh nhất trong thế kỷ XX, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển chiến tranh nhân dân đến đỉnh cao cả trong thực tiễn và nhận thức. Chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông năm 1947 đã để lại những bài học quý cho quá trình Đảng lãnh đạo chiến tranh cách mạng chống xâm lược vì mục tiêu hòa bình, độc lập và thống nhất hoàn toàn của Tổ quốc.**

**1** Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải lãnh đạo, tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược ngay từ kháng chiến ở Nam Bộ (23-9-1945) đến toàn quốc kháng chiến (19-12-1946). Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng đã được định hình về cơ bản.

Chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (22-12-1944) của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nêu rõ tư tưởng cơ bản về chiến tranh nhân dân Việt Nam: “Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ diu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện,

giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trường thành mãi lên”<sup>1</sup>.

Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ (26-9-1945), Hồ Chí Minh đã động viên, cổ vũ “những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà”, “Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân”<sup>2</sup>.

Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương về kháng chiến, kiến quốc (25-11-1945) nêu rõ cuộc cách mạng của ta vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. “Về quân sự, động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác đến triệt để”<sup>3</sup>. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đã diễn ra theo quan điểm chỉ đạo đó và đã huy động được sức mạnh của nhân dân cả nước cho chiến trường Nam Bộ.

Chủ động về đường lối và sự lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị cho toàn quốc kháng chiến, ngày 12-12-

1946, Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”. Tên của chỉ thị đã nêu bật quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân. Chỉ thị nhấn mạnh chủ trương:

- “- Đoàn kết chặt chẽ toàn dân.
- Thực hiện toàn dân kháng chiến.
- Bảo vệ dân; được lòng dân”.

“Động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến”<sup>4</sup>.

Chỉ thị nêu rõ những điều răn đối với Dân và Quân. *Dân*, không đi lính cho Pháp, không nộp thuế cho Pháp, không bán lương thực cho Pháp, không dẫn đường cho Pháp, không lộ tin tức cho Pháp.v.v. Phải đoàn kết chặt chẽ, phải đánh giặc trừ gian, phải tăng gia sản xuất. Phải ủng hộ Chính phủ kháng chiến, phải tiếp tế bộ đội.v.v. *Quân*, không hàng giặc, không xâm phạm tính mệnh, tài sản của dân, không xâm phạm tín ngưỡng của dân.v.v. Phải bảo vệ tính mệnh, tài sản cho dân, phải kính trọng và giúp đỡ dân, phải sĩ quan và binh lính một lòng, phải tuân lệnh cấp trên, phải phục tùng kỷ luật. Chỉ như thế chiến tranh nhân dân mới có sức mạnh thật sự. Triệt để dùng chiến thuật du kích. Mỗi phố là một mặt trận. Mỗi làng là một pháo đài.

Trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (19-12-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát nhưng cũng rất cụ thể về chiến tranh nhân dân: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”<sup>5</sup>. Tổng Bí thư Trường-Chinh, trong tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* cũng nêu rõ: “Phải vũ trang toàn dân, phát động phong trào dân quân du kích, phối hợp dân quân

du kích và bộ đội. Làm sao cho giặc đụng vào đâu cũng gặp sức kháng chiến của toàn dân Việt Nam cầm vũ khí trong tay chống lại chúng, thà chết không chịu làm nô lệ!”<sup>6</sup>.

Từ những văn kiện quan trọng trên đây của Đảng và lãnh tụ, có thể nhận thức rõ nội dung trong đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng. *Thứ nhất*, đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa, vì mục tiêu cao cả giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. *Thứ hai*, cuộc chiến tranh đó là sự nghiệp của toàn dân, cần phải vũ trang toàn dân, tổ chức toàn dân đánh giặc, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh bao gồm đội quân chủ lực, dân quân du kích, tác chiến cả ở nông thôn đồng bằng, miền núi và đô thị. *Thứ ba*, tổ chức đánh giặc với bất cứ loại vũ khí nào, từ thô sơ đến hiện đại, “cướp súng giặc bắn giặc”, “Triệt để dùng du kích, vận động chiến”. *Thứ tư*, Đảng là cơ quan “Trung kiên chỉ đạo kháng chiến”, Chính phủ tổ chức kháng chiến và nêu cao vai trò Mặt trận dân tộc thống nhất (Việt Minh, Liên Việt) đoàn kết toàn dân thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc, kết hợp chặt chẽ kháng chiến về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao.

**2** Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng được quân và dân cả nước thực hiện đã chặn bước tiến của địch ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến. Tiêu biểu là cuộc chiến đấu ở Thủ đô Hà Nội, các đô thị và vùng phụ cận, quân và dân cùng phối hợp chiến đấu. Sau 60 ngày đêm chiến đấu, Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội (17-2-1947). Chủ tịch Hồ Chí Minh thảo luận với Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Trường-Chinh, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đi đến quyết định Trung ương Đảng, Chính phủ trở lại Việt Bắc xây dựng căn cứ địa lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài. Ngày 2-4-1947, Hồ Chí Minh

về đến Tân Trào (Tuyên Quang). Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn trở thành nơi hoạt động của Trung ương Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến của cả nước.

Dự báo tình hình là vấn đề rất quan trọng trong lãnh đạo cách mạng. Khi cuộc chiến đấu đang diễn ra ác liệt ở Hà Nội và các thành phố khác, ngày 12-1-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã triệu tập hội nghị quân sự nhằm thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng. Hội nghị nhận định, địch có thêm viện binh sẽ tổ chức tiến công mở rộng vùng chiếm đóng ra ngoài các thành phố. Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương họp từ ngày 3 đến ngày 6-4-1947 đã nhận định: “Việt Nam không thể có căn cứ địa rộng rãi và vững chắc như Tàu. Những căn cứ địa ở Việt Nam đều có thể bị địch đánh xuyên mũi dùi vào hoặc bao vây. Nhưng Việt Nam đã có một mặt trận đoàn kết toàn dân, nhân dân đã được hưởng chế độ dân chủ rộng rãi và liệu chết giữ vững chế độ ấy. Tình hình Pháp lại đặc biệt nguy khốn và nước Pháp xa nước Việt Nam hàng vạn cây số, nên Việt Nam vẫn có thể kháng chiến và nắm chắc thắng lợi bằng cách mở mặt trận ở bất cứ nơi nào có bóng địch, đánh ngay cả ở sau lưng địch, trong ruột địch và tổ chức căn cứ địa không những ở rừng núi mà cả ở đồng bằng”<sup>7</sup>.

Khả năng địch có thể đánh lên căn cứ địa Việt Bắc-cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến-đã được Trung ương tính đến để có sự chuẩn bị. Ngày 12-5-1947, lúc 22 giờ, tại thị xã Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp Paul Mus (Pôn Muýt), đại diện Cao ủy Pháp Bollaert (Bôlae). Phía Pháp đã đưa ra yêu sách ngang ngược đòi Việt Nam phải nộp vũ khí và để cho quân đội Pháp tự do đi khắp nước ta, thực chất là đòi Việt Nam đầu hàng. Ngày 10-9-1947, tại thị xã Hà Đông, Bollaert đọc diễn văn nêu quan điểm thực dân, không công

nhận Việt Nam độc lập, thống nhất, không công nhận Chính phủ Hồ Chí Minh thay mặt chính thức cho nước Việt Nam. Đó là thái độ tham lam, gian dối, khiêu khích, ngang ngạnh, trịnh thượng của thực dân Pháp. Ngày 15-9-1947, Trung ương Đảng ra Chỉ thị: “Bôla nói gì? Ta phải làm gì?” nêu rõ nhiệm vụ: “*Về quân sự*: tích cực chuẩn bị chiến dịch mùa Đông về mọi mặt (động viên tinh thần, huấn luyện bộ đội, điều động bộ đội và vũ khí, che cất kho tàng, vật liệu, v.v.) đặng đối phó với cuộc tấn công có thể lan rộng và ác liệt của quân đội Pháp sau mùa mưa này. Chuẩn bị chống các cuộc quân địch đánh xuyên mũi dùi, đánh vòng thật rộng, hay nhảy dù, đổ bộ sau lưng ta”<sup>8</sup>.

Đúng như dự báo của Trung ương Đảng, ngày 7-10-1947, quân Pháp đã mở chiến dịch tấn công lên Việt Bắc theo 3 hướng; cho quân của binh đoàn đổ bộ đường không Sauvagnac (Xôvanhắc) nhảy dù xuống Bắc Kạn; cho binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ Communal (Commuynan) tiến theo đường thủy từ sông Hồng lên sông Lô đánh vào Tuyên Quang; và binh đoàn bộ binh Beaufré (Bôphorê) hành quân theo đường bộ từ Lạng Sơn đánh lên Cao Bằng. Âm mưu và thủ đoạn của quân Pháp đã được Trung ương nêu rõ trong Chỉ thị “Phải phá cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp”. “Địch vừa mở đầu chiến dịch mùa đông ở Bắc Bộ, bằng những cuộc nhảy dù và đổ bộ sau lưng quân ta, bằng những cuộc hành quân đánh thẳng vào Việt Bắc và chiếm đóng các thị trấn ngăn cách Việt Bắc và miền xuôi”<sup>9</sup>. Quân và dân Việt Bắc bình tĩnh phản công làm cho địch thiệt hại: học sinh quân Trường võ bị ở Bắc Kạn tiêu diệt hơn 80 quân nhảy dù xuống cạnh nhà trường (7-10-1947); đội cao xạ của ta ở Cao Bằng hạ được một máy bay, tiêu diệt hơn 10 tên địch trong đó có một võ quan cao cấp Pháp, Phó tham mưu đội quân Pháp miền Bắc Đông Dương (8-10-1947); Vệ quốc

quân đánh lui quân địch đổ bộ lên Bình Ca, thuộc Tuyên Quang (13-10-1947); Vệ quốc quân và dân quân phối hợp đột kích Chợ Mới nã đại bác phá kho của địch (15-10-1947); dân quân xã Thanh Mai (Bắc Kạn) tiêu diệt hai quân nhảy dù (8-10-1947); Vệ quốc quân phản công đánh Cao Bằng (10-1947). Riêng với Bắc Kạn, ngày 9-10-1947, Trung ương có chỉ thị cần kíp gửi các đồng chí Tỉnh ủy Bắc Kạn nêu rõ: “Dùng lực lượng bộ đội, dân quân du kích và toàn dân bao vây địch chung quanh tỉnh lỵ, giam chân chúng ở đó, không cho chúng chiếm tòa ra đặc biệt ngăn địch trên các đường: Bắc Kạn-Chợ Đồn, Bắc Kạn-Chợ Rã, Bắc Kạn-Cao Bằng, Bắc Kạn-Chợ Mới, Bắc Kạn-Na Rì, Bắc Kạn-Chợ Chu”. Chiến dịch diễn ra đến ngày 19-12-1947, buộc quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc.

Chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông năm 1947 là sự kiểm nghiệm tính đúng đắn, sáng tạo của đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng. Đó là chiến dịch đầu tiên trong chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Là chiến dịch phản công đánh thắng cuộc tiến công chiến lược của địch lên Việt Bắc, bảo vệ an toàn căn cứ kháng chiến. Thắng lợi ở Việt Bắc là thể hiện chiến tranh nhân dân phong phú, kết hợp nhiều lực lượng, nhiều hình thức tác chiến, dùng lực lượng nhỏ đánh địch vận động trên bộ, trên sông, bẻ gãy từng gọng kìm của địch. Chiến thắng Việt Bắc đã góp phần quyết định làm thất bại chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của địch, đưa kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới, củng cố niềm tin chiến thắng của toàn quân, toàn dân.

Sự kiểm nghiệm đường lối ở chính sự chuyển hóa so sánh lực lượng giữa ta và địch, ở quy mô thắng lợi và hiệu suất chiến đấu. Đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn bảo đảm sự phát triển lực lượng về mọi mặt mới có thể giành chiến thắng. Năm 1947, địch có 12,8 vạn quân, trong đó 8,5 vạn quân Âu-Phi và 4,3 vạn quân ngự trên toàn

chiến trường Đông Dương. Địch có 108 khẩu pháo, 32 xe tăng, thiết giáp, 98 máy bay, 70 tàu chiến. Lực lượng kháng chiến Việt Nam có 8,2 vạn và 12 khẩu pháo. Không có máy bay, tàu chiến, xe tăng. Tuy quân chủ lực của ta ít hơn địch nhưng với đường lối chiến tranh nhân dân, đến mùa Hè năm 1947, có hơn 1 triệu người gia nhập các đơn vị dân quân, tự vệ, du kích. Mùa Hè năm 1947, có 35.000 người nhập ngũ, nâng số bộ đội chủ lực lên 12 vạn. Trong Chiến dịch Việt Bắc, địch huy động 12.000 quân tinh nhuệ, được trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại (máy bay, tàu chiến, đại bác) nhưng đã thất bại trước lực lượng vũ trang mới được xây dựng trong 3 năm trang bị còn rất thô sơ. Bộ đội chủ lực của ta đã phân tán thành 30 đại đội độc lập và 18 tiểu đoàn tập trung, phối hợp chặt chẽ với dân quân, du kích đánh thắng nhiều trận lớn trên sông Lô, nhiều tàu chiến, ca nô của địch bị bắn chìm; diệt hàng trăm địch trên đường số 3, đường số 4-Pháp gọi là “con đường máu”; 18 máy bay địch bị hạ. Toàn chiến dịch: 3.300 quân xâm lược Pháp bị tiêu diệt, 3.900 tên bị thương, 270 tên ra hàng. Đó là tổn thất nặng nề của địch và cũng tỏ rõ sức mạnh của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Chiến thắng Việt Bắc chứng minh quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang, coi trọng cả lực lượng chủ lực và dân quân du kích, thực hiện vũ trang toàn dân; toàn dân đánh giặc. Thời điểm của Chiến dịch Việt Bắc có lực lượng chủ lực (Quân đội quốc gia Việt Nam, năm 1949 đổi thành Quân đội nhân dân Việt Nam) và dân quân, du kích, sau này còn phát triển bộ đội địa phương như Hồ Chí Minh gọi là đội quân đàn em. Dù lực lượng nào cũng đều xuất thân từ nhân dân, chiến đấu vì độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Trong Chiến dịch Việt Bắc, không chỉ có phối hợp quân chủ lực với dân quân du kích chặn đánh địch mà nhân dân

các dân tộc ở Việt Bắc còn ủng hộ, giúp đỡ về vật chất, thực hiện nhiệm vụ của hậu phương trong khi cung cấp hậu cần của Chính phủ còn nhiều khó khăn. Trước đó, ngày 27-5-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh có thư gửi nam nữ chiến sĩ dân quân, tự vệ và du kích toàn quốc đang họp hội nghị tại Việt Bắc. Người nêu rõ: “Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã”<sup>10</sup>.

Đề ra đường lối chiến tranh nhân dân, Đảng chú trọng hình thức, phương pháp tác chiến, triệt để dùng du kích, vận động chiến. Chiến dịch Việt Bắc đã sử dụng thành công cách đánh đó trong từng trận đánh và toàn chiến dịch. Đường lối cũng đặt ra yêu cầu bảo toàn thực lực để kháng chiến lâu dài. Chiến thắng Việt Bắc đã bảo vệ vững chắc căn cứ địa kháng chiến của cả nước, cơ quan lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, đồng thời vừa đánh vừa phát triển lực lượng, vừa võ trang thêm, đào tạo cán bộ, từ thực tiễn chiến đấu, có được đội ngũ chỉ huy dũng cảm, mưu trí, bản lĩnh. Chiến dịch Việt Bắc diễn ra đã có sự phối hợp từ các chiến trường, đánh địch ngay trong địa bàn địch đã chiếm đóng và kiểm soát. Ngày 10-10-1947, Việt gian Trương Đình Tri phải đền tội ở Hà Nội. Tại Sài Gòn, nhiều tên phản quốc bị trừng trị, ngày 11-10. Ngày 22-11-1947, nhiều cơ sở của địch ở đường Catina (Sài Gòn) bị tập kích, 40 tên Pháp bị diệt. Đêm 4-12-1947, nhiều kho tàng của địch ở Sài Gòn bị tiến công. Ngày 19-12-1947, quân ta diệt 10 xe của địch trên đường Thủ Dầu Một-Phước Riềng. Đó là sự chia lửa cùng Việt Bắc.

Sau khi Chiến dịch Việt Bắc kết thúc, ngày 21-1-1948, Trung ương Đảng có văn bản “Phụ chú một điểm trong Chỉ thị Trung ương ngày 15-10-1947”. Văn bản đã làm rõ quy luật chiến tranh là

gì? gồm 6 điểm. Các điểm đó cần được nhận thức rõ và áp dụng vào chiến tranh Việt-Pháp. Trong văn bản này, Trung ương cũng thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế của ta: “Trong việc chuẩn bị chiến dịch mùa đông vừa rồi, ta chủ quan đánh giá quá thấp địch, không đoán đúng được mưu mô của địch, hoặc đoán không đến nơi, hơn nữa không nhận rõ quy luật chiến tranh nói chung và quy luật chiến tranh Việt-Pháp những thất bại đầu tiên ở Bắc Kạn, Cao Bằng, Chợ Đồn, Tuyên Quang.v.v. vừa rồi là những bài học dạy cho ta”<sup>11</sup>. Trung ương cũng nêu rõ năm nhược điểm của địch, đồng thời nhấn mạnh “lần đầu tiên dân tộc ta phải đối phó với bọn xâm lược mạnh, thao luyện, có võ khí tối tân như bọn Pháp. Ta vừa đánh vừa học, ta luôn luôn gắng sức học cái hay của địch, ta sửa chữa sai lầm của ta, phát triển ưu điểm của ta, lợi dụng triệt để những nhược điểm của địch mà đánh”<sup>12</sup>. Đó cũng chính là sự kiểm nghiệm lại đường lối và phương pháp từ thực tiễn với tinh thần, thái độ nghiêm túc và khoa học.

Những kinh nghiệm, bài học cả ở tầm chiến lược và chiến thuật của chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông rất có ý nghĩa trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc hiện nay, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân trong tình hình mới.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 539

2, 5. *Sđd*, T. 4, tr. 29, 534

3, 4, 7, 8, 9, 11, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 8, tr. 27, 151, 180, 300, 315, 329-330, 330

6. Trường-Chinh: *Cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb ST, H, 1975, T. 2, tr. 38

10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 158.